TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 53/2024/HS-ST Ngày 26-03-2024	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Phan Công Tồn
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Bá Lý
Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn T** sinh ngày 09 tháng 8 năm 1996 tại An Giang.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 8 ấp An Thuận, xã H, huyện M, tỉnh An Giang; chỗ ở trước khi bị bắt: Phòng số 12 nhà nghỉ An Bình, làng N, phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng D (đã chết) và bà Huỳnh Thị Mỹ P, sinh năm 1973; bị cáo có vợ (chưa đăng ký kết hôn): Cao Thị Mỹ Q, sinh năm 1998 và có 01 người con sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 22-3-2013, bị Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ra Quyết định xử lý hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc (thời hạn 24 tháng, kể từ ngày 04-4-2013) tại Trường giáo dưỡng số 05 xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, về hành vi gây rối trật tự công cộng. Ngày 30-3-2015 T đã chấp hành xong.

Bị cáo Nguyễn T bị tạm giữ từ ngày 31-10-2023 đến ngày 09-11-2023, sau đó bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku. *Có mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Lê Văn K, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn 1, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;*

- *Người tham gia tố tụng khác*: Người chứng kiến ông Y, sinh năm 1980; địa

chỉ: Làng N, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Nguyễn T sử dụng ma túy từ khoảng thời gian tháng 5 năm 2020. Thông qua mạng xã hội Facebook, T có quen biết một người thanh niên tên P1 (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch; ở thành phố Pleiku) và P1 có rủ T lên thành phố Pleiku tìm việc làm.

Ngày 28-10-2023, T đón xe khách (hiện chưa xác định được hãng xe và biển số xe) đi từ An Giang lên thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Sau đó, T đến thuê phòng số 12 nhà nghỉ An Bình thuộc làng N, phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai để ở. Vào khoảng 07 giờ ngày 29-10-2023, P1 gọi điện thoại cho T và nói T đến cổng Bến xe Đức Long Gia Lai để nói chuyện, T đồng ý và đón xe thồ của một người đàn ông (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) chở từ nhà nghỉ An Bình đến điểm hẹn gặp P1. Khi nói chuyện, P1 biết T là người sử dụng ma túy nên P1 đã cho T 01 gói nilon bên trong có chứa ma tuý (loại Methamphetamine) và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma tuý; T cất giấu vào trong người rồi đón xe thồ của một người đàn ông (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) chở về phòng số 12 nhà nghỉ An Bình rồi cất giấu ma túy trên giường.

Đến khoảng 10 giờ ngày 29-10-2023 tại phòng số 12 nhà nghỉ An Bình, T đã lấy một phần ma túy ra sử dụng; số ma túy còn lại, T vẫn để trên giường, với mục đích để sử dụng dần. Đến 10 giờ 20 phút ngày 31-10-2023, khi T đang ở nhà nghỉ An Bình thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai phối hợp với lực lượng Công an phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bắt quả tang cùng vật chứng, gồm: 01 gói nilon bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể (đã được niêm phong theo quy định); 01 điện thoại di động hiệu MI màu đen kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 89840-48000-07888-7570); 200.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Riêng đối với bộ dụng cụ sử dụng ma túy, do sau khi sử dụng, T đã làm vỡ và đã vứt bỏ nên không thu giữ được.

b) Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại bản Kết luận giám định số 965/KL-KTHS ngày 09-11-2023 của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *"Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01 (một) gói nilon được niêm phong trong bì công văn (mô tả tại mục Mẫu cần giám định) là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 1,7906 gam"* .

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Kết luận giám định số 965/KL-KTHS, ngày 09-11-2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai.

Vật chứng của vụ án, gồm:

- Chất ma túy còn lại sau giám định trong 01 bì công văn dán kín ghi số 965/PC09, ngày 09 tháng 11 năm 2023 có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình

sự - Công an tỉnh Gia Lai;

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu MI màu đen (kèm thẻ sim);

- 200.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku ra quyết định đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku chuyển toàn bộ vật chứng nêu trên đến Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Pleiku để quản lý, chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Chiếc điện thoại di động hiệu MI màu đen (kèm thẻ sim) và 200.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội.

c) Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số 59/CT-VKS, ngày 26-02-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn T về tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố. Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi của bị cáo Nguyễn T; đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn T phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn T mức án từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù.

Qua xác định bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bì công văn, ghi số 965/PC09 ngày 09-11-2023 có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 200.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 chiếc điện thoại di dộng hiệu MI, kèm thẻ sim. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn T không có ý kiến tranh luận về lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku.

Bị cáo Nguyễn T nói lời nói sau cùng: Trong thời gian bị tạm giạm, bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về đoàn tụ với gia đình chăm sóc vợ, con còn nhỏ dại và hòa nhập với cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nhưng trước đó đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt của người này không gây trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn T là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vào 10 giờ 20 phút ngày 31/10/2023, tại phòng số 12 nhà nghỉ An Bình, làng N, phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai, khi bị cáo T đang cất giấu 1,7906 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai phối hợp với lực lượng Công an phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bắt quả tang cùng vật chứng.

[4] Hành vi cất giữ 1,7906 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng mà bị cáo Nguyễn T đã thực hiện, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội, nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố bị cáo Nguyễn Thịnh là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, như đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Bị cáo Nguyễn T là người đã trưởng thành, hoàn toàn nhận thức được việc

tàng trữ ma túy để sử dụng là hành vi nguy hiểm cho xã hội; bản thân bị cáo là người có sử dụng ma túy, biết được tác hại của ma túy, là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Bị cáo đã từng bị Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang Quyết định xử lý hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 24 tháng, kể từ ngày 04-4-2013 đã chấp hành xong ngày 30-3-2015. Tuy nhiên, bị cáo không tu dưỡng rèn luyện bản thân mà vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên cố ý cất giữ 1,7906 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng. Do đó, để răn đe, giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung cho xã hội, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố pleiku là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"* nên bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có tài sản riêng, hành vi phạm tội không liên quan đến nghề nghiệp. Do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Đối với đối tượng tên P1 mà bị cáo T khai là người đã cho bị cáo ma túy: Do bị cáo T không biết được nhân thân, lai lịch của P1; Cơ quan điều tra đã mở danh bạ, nhật ký cuộc gọi, tin nhắn trong chiếc điện thoại đã thu giữ của bị cáo, nhưng không xác định được số điện thoại của P1 và không xác định được nội dung có liên quan đến việc cho bị cáo chất ma túy; do sau khi liên lạc thì T đã xóa nhật ký và không lưu trong danh bạ số điện thoại của P1. Đồng thời, đã tiến hành xác minh tại địa bàn phường Trà Bá, thành phố P, tỉnh Gia Lai nhưng không xác định được đối tượng tên P1 có liên quan đến hoạt động cho và nhận ma túy. Do đó, chưa có căn cứ để tiến hành điều tra, xử lý; Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau là phù hợp nên không xem xét.

[10] Đối với 02 người đàn ông chạy xe thồ đã chở Nguyễn T đến gặp P1 và chở T về lại nhà nghỉ An Bình: Do T không biết được họ tên, nhân thân, lai lịch của 02 người đàn ông này và không biết biển số xe, nên Cơ quan điều tra chưa có cơ sở để tiến hành điều tra xử lý. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh và xử lý sau là có cơ sở nên không xem xét.

[11] Đối với ông Lê Văn K là chủ nhà nghỉ An Bình, Làng N, phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Qua điều tra xác định ông K không biết Nguyễn T mang ma túy đến nhà nghỉ để sử dụng, nên không có căn cứ để xử lý về hành vi chứa chấp trái phép chất ma túy. Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với bộ dụng cụ sử dụng ma túy, do sau khi sử dụng, T đã làm vỡ và đã vứt bỏ nên không thu giữ được, nên không đề cập.

[13] Về vật chứng: Chất ma túy còn lại sau giám định trong 01 bì công văn dán kín ghi số 965/PC09, ngày 09 tháng 11 năm 2023 có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai, thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[14] Đối với chiếc điện thoại di động hiệu MI màu đen kèm thẻ sim và số tiền 200.000 đồng là tài sản cá nhân của T, qua điều tra cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, nên đề nghị của Viện kiểm sát trả lại cho bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận.

[15] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 31 tháng 10 năm 2023).

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì công văn dán kín ghi số 965/PC09 ngày 09 tháng 11 năm 2023, có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai;

- Trả lại cho bị cáo số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 (một) điện thoại di động hiệu MI, kèm thẻ sim (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong).

(*Tất cả vật chứng nêu trên có số lượng, đặc điểm theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14 tháng 3 năm 2024 giữa Công an thành phố Pleiku và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai*).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn T phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phan Công Tồn